TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**
Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST Ngày: 06/4/2023 *V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và bà Vi Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 21/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T - sinh năm 1990;

ĐKHKTT: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh anh Nguyễn Đức H - sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Những người làm chứng:

1, Bà Lục Thị X - sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Bà Nguyễn Thị C - Trưởng thôn.

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức H tự nguyện yêu thương và về chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 05/6/2017 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là so tính tình không hợp nhau nảy sinh nhiều vấn đề, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên từ ngày 15/01/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng hai vợ chồng anh chị không thể hòa thuận chung sống với nhau được.

Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con: Chị T xác nhận vợ chồng không ai có con riêng, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh L - sinh ngày 11/6/2011. Hiện nay cháu L đang sống với anh H. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thị Thanh L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh L theo định kỳ là 1.000.000đ/ tháng, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, nhưng anh Nguyễn Đức H từ chối không nhận Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án, không trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cố tình không đến trụ sở Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, không có ý kiến của anh Nguyễn Đức H về việc giải quyết vụ án trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, lấy lời khai người làm chứng thể hiện: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Đức H, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Đến đầu năm 2022, hai với chồng xảy ra mâu thuẫn, nên T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L sống. Gia đình và anh H đã đi đón chị T về để vợ chồng chung sống nhưng chị T không đồng ý, nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

- Về điều kiện kinh tế và nơi ở: Căn cứ kết quả xác minh tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai nơi anh Nguyễn Đức H cư trú có mức thu nhập bình quân

lao động tự do của địa phương là 43.000.000d/ người/ năm.

Đối với chị Lương Thị T là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập bình quân từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/ tháng.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thanh L về nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn. Cháu thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống với bố là anh Nguyễn Đức H.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thể hiện quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, không có lý do theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh L - sinh ngày 11/6/2011 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị Lương Thị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh L theo định kỳ là 1.000.000đ/ tháng, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Đức H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 05/6/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2022, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, đánh nhau. Ngày 15/01/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã L sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người làm chứng đều xác nhận hai vợ chồng chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ tháng 01/2022 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng vợ chồng anh chị không đoàn tụ với nhau.

Như vậy đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T đối với anh Nguyễn Đức H là có căn cứ , đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh L - sinh ngày 11/6/2011. Cháu L phát triển khỏe mạnh, không bị dị tật gì. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu L sinh sống cùng anh Nguyễn Đức H. Bản thân cháu L xác định anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu rất tốt; cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục được sống với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị Lương Thị T cũng nhất trí việc giao, nuôi con khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu L. Vì vây, để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống và sự phát triển của cháu, nên cần giao cháu L cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị T có thu nhập ổn định từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/ tháng. Anh Nguyễn Đức H có mức thu nhập bình quân của lao động tự do tại xã K là 43.000.000đ/người/ năm. Việc chị T tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ là 1.000.000đ/tháng, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp, cần chấp nhận.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh L - sinh ngày 11/6/2011 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo định kỳ là 1.000.000đ (*Một triệu đồng)*/tháng, cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình và 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng cộng là 600.000^{đ} (*Sáu trăm nghìn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 ^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004371 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Chị Lương Thị T còn phải nộp số tiền là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đức H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa